TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 98/2021/QĐST- HNGĐ	*TP. Thanh Hóa, ngày 19 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 81,82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 132/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

1. Anh Tạ Đình D – SN 1971.

Địa chỉ: phường Q, TP. T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Phạm Thị H – SN 1975.

Địa chỉ: phường Q, TP. T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Đình D và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa ngày 05/7/1997 là hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh, chị đều thừa nhận quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không khắc phục được. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Anh D và chị H thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Tạ Đình D và chị Phạm Thị H.

[2].Về nuôi con: Anh D và chị H có 02 con chung là cháu Tạ Đình Q, sinh ngày 09/04/1998 (cháu đã thành niên) và cháu Tạ Phúc T, sinh ngày 24/7/2006. Ly hôn anh chị thỏa thuận: Giao cháu T cho anh D trực tiếp nuôi, chị H không phải cấp dưỡng nuôi cháu T. Thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung và công nợ: Anh D và chị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Anh D và chị H thỏa thuận, chị H chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ theo quy định của pháp luật, anh D không phải chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Tạ Đình D và chị Phạm Thị H thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con:* Anh D và chị H có 02 con chung là cháu Tạ Đình Q, sinh ngày 09/04/1998 (cháu đã thành niên) và cháu Tạ Phúc T, sinh ngày 24/7/2006. Giao cháu T cho anh D trực tiếp nuôi, chị H không phải cấp dưỡng nuôi cháu T. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Anh D và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị H chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0001777 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (chị H đã nộp đủ lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND p. N,thị xã B, Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Nga